

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-02-2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân :

- Bà Đỗ Thị A;
- Ông Vũ Ngọc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2022/QĐXX-ST ngày 20/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Oanh N, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 451/29/47 Tô Hiến Thành, Phường A, Quận C, Thành phố H

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: 248 Lô C chung cư Ánh Quang, Phường B, Quận C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2022, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Oanh N trình bày:

Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận S, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 13/9/2019.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên gây gổ nhau. Mâu thuẫn bắt đầu trầm trọng hơn khi ông T không tôn trọng gia đình bà N. Bản thân bà N nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Do vợ chồng không còn tình cảm nên bà N đã sống ly thân. Nhận thấy vợ chồng

không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Cát T, sinh ngày 09/12/2020. Bà N trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn không đến tòa tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86 ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị Oanh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay bà N yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông T hiện đang cư trú tại địa chỉ 248 Lô C chung cư Ấn Quang, Phường B, Quận C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã triệu tập họp bị đơn lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Oanh N là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, bà N trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Nguyên nhân là do ông T là người nghiện và không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên to tiếng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề. Bản thân bà N đã được gia đình động viên hàn gắn nên cứ kéo dài tình trạng tiếp tục đời sống vợ chồng. Đến nay, ông T vẫn không thay đổi mà đời sống chung ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nên bà N vẫn giữ nguyên mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án ông T không tham gia hòa giải cho thấy bản thân ông T cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà N xin ly hôn ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”* Xét trẻ Nguyễn Cát T sinh ngày 09/12/2020 hiện đang ở với bà N và dưới 36 tháng tuổi nên giao trẻ Tiên cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

[1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Oanh N được ly hôn ông Nguyễn Duy T.

[2] Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Cát T, sinh ngày 09/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Oanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Về tài sản chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Oanh N chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0019011 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Oanh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P. T, Quận S;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân